HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 09 /2020/NQ-HĐND	*Nghệ An, ngày 22 tháng 7 năm 2020*

NGHỊ QUYẾT
Về kết quả giám sát việc thực hiện một số nghị quyết của HĐND tỉnh về cơ chế, chính sách phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Nghệ An

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN
KHOÁ XVII, KỲ HỌP THỨ 15

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Xét Tờ trình số 245/TTr-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2020 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; trên cơ sở Báo cáo số 152/BC-HĐND.ĐGS ngày 16 tháng 7 năm 2020 của Đoàn giám sát Hội đồng nhân dân tỉnh về kết quả giám sát việc thực hiện một số nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về cơ chế, chính sách phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Tán thành với nội dung Báo cáo số 152/BC-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2020 về kết quả giám sát việc thực hiện một số nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về cơ chế, chính sách phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Nghệ An với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Công tác triển khai, tổ chức thực hiện một số nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về cơ chế, chính sách phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua đạt được những kết quả khá tích cực: Ủy ban nhân dân các cấp đã chỉ đạo tuyên truyền, triển khai các cơ chế, chính sách đến người dân, doanh nghiệp; ban hành nhiều văn bản để chỉ đạo, phân công nhiệm vụ, hướng dẫn tổ chức thực hiện; quan tâm bố trí kinh phí để thực hiện các nghị quyết về cơ chế, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, trong đó tập trung hỗ trợ thu hút đầu tư, phát triển nông nghiệp, nông thôn, văn hóa, giáo dục - đào tạo, y tế, khoa học - công nghệ, quốc phòng - an ninh (Tổng kinh phí cấp cho các đơn vị là: 1.471.486 triệu đồng, trong đó: ngân sách Trung ương là: 4.019 triệu đồng, ngân sách tỉnh là: 1.467.467 triệu đồng; Tổng nguồn kinh phí thực hiện là: 1.422.514 triệu đồng, trong đó: ngân sách Trung ương là: 2.388 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 1.420.126 triệu đồng); công tác lập, phân bổ dự toán, cấp phát, thanh toán, quyết toán kinh phí thực hiện các nghị quyết khá kịp thời; công tác quản lý, chỉ

đạo thực hiện chính sách đảm bảo đúng đối tượng, công khai, minh bạch, chưa phát hiện các sai phạm lớn, chưa có đơn, thư khiếu nại, tố cáo; công tác quản lý tài chính chặt chẽ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định.

Nhìn chung, trong điều kiện của Tỉnh còn nhiều khó khăn, các nghị quyết về cơ chế, chính sách được ban hành đã có những tác động tích cực đến quá trình phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương trên địa bàn tỉnh. Phần lớn các nhóm cơ chế, chính sách về an sinh xã hội, quốc phòng - an ninh, xây dựng tổ chức bộ máy mang lại hiệu quả khá rõ nét. Nhóm các cơ chế, chính sách về đầu tư phát triển tuy chưa đạt mục tiêu của các nghị quyết nhưng đã góp phần thu hút đầu tư, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cải thiện hạ tầng kinh tế - kỹ thuật, nâng cao chất lượng, hiệu quả của nền sản xuất.

2. Bên cạnh những kết quả đạt được, qua giám sát cho thấy quá trình triển khai, tổ chức thực hiện một số nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về cơ chế, chính sách phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh vẫn còn một số tồn tại, hạn chế, đó là: công tác tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện cơ chế, chính sách còn hạn chế, do đó việc tiếp cận thông tin của doanh nghiệp, người dân còn khó khăn; một số địa phương (huyện, xã) không bao quát được đầy đủ các cơ chế, chính sách được triển khai trên địa bàn; nguồn kinh phí thực hiện một số nghị quyết về cơ chế, chính sách đầu tư phát triển chưa đáp ứng nhu cầu theo mục tiêu nghị quyết đề ra; định mức hỗ trợ một số cơ chế, chính sách quá thấp, trong khi thủ tục thanh, quyết toán rườm rà, do đó chưa thu hút được sự quan tâm của doanh nghiệp, người dân; công tác theo dõi, đôn đốc, rà soát việc thực hiện các nghị quyết chưa kịp thời và thường xuyên, do đó một số cơ chế, chính sách có bất cập trong quá trình tổ chức thực hiện nhưng không kịp thời tham mưu trình Hội đồng nhân dân tỉnh bãi bỏ hoặc thay thế, sửa đổi, bổ sung (như: Nghị quyết số 225/2009/NQ-HĐND ngày 23/7/2008 về hỗ trợ người có công với cách mạng cải thiện về nhà ở trên địa bàn tỉnh Nghệ An; Nghị quyết số 278/2009/NQ-HĐND ngày 23/7/2009 về một số cơ chế, chính sách đặc thù trong quản lý, phát triển kinh tế – xã hội đối với thành phố Vinh - đô thị loại I trực thuộc tỉnh; Nghị quyết số 307/2010/NQ-HĐND ngày 10/7/2010 về một số cơ chế, chính sách hỗ trợ huyện Nam Đàn phát triển kinh tế - xã hội đến 2020; Nghị quyết số 14/2017/NQ-HĐND ngày 20/12/2017 về một số chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Nghệ An...); việc phân cấp thực hiện một số cơ chế, chính sách ban hành theo các nghị quyết chưa đồng bộ, chưa phù hợp với mục tiêu hướng đến đối tượng được thụ hưởng chính sách; công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát còn hạn chế; việc sơ kết, tổng kết, đánh giá hiệu quả thực hiện các cơ chế, chính sách chưa được quan tâm đúng mức.

3. Những hạn chế, tồn tại nêu trên do một số nguyên nhân chủ yếu sau: điều kiện của Tỉnh còn nhiều khó khăn; nguồn ngân sách cho đầu tư phát triển còn hạn hẹp; một số nghị quyết về cơ chế, chính sách ban hành trong thời kỳ ổn định ngân sách dẫn đến khó khăn trong bố trí nguồn lực đảm bảo thực hiện nghị

quyết; trình độ, năng lực sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, người dân còn hạn chế; công tác chỉ đạo của UBND tỉnh trong rà soát, thanh tra, kiểm tra, sơ kết, tổng kết, đánh giá việc thực hiện cơ chế, chính sách chưa kịp thời; năng lực, trách nhiệm của một số sở, ban, ngành trong tham mưu công tác xây dựng và thực hiện chính sách còn hạn chế, chưa toàn diện; giám sát của Thường trực, các Ban, Tổ đại biểu và đại biểu HĐND tỉnh về việc thực hiện các nghị quyết của HĐND tỉnh chưa thường xuyên.

Điều 2. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu:

Để các nghị quyết về cơ chế, chính sách do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành được triển khai, tổ chức thực hiện nghiêm túc, đạt hiệu quả cao. Đồng thời, để việc xây dựng các cơ chế, chính sách trong thời gian tới đảm bảo sát thực, khả thi, Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tập trung chỉ đạo các ngành, các cấp thực hiện tốt các nội dung sau:

1. Tiếp tục tổ chức thực hiện tốt các nghị quyết do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành đang còn hiệu lực thi hành và đang phát huy hiệu quả đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh trên địa bàn tỉnh; rà soát, nghiên cứu sửa đổi, bổ sung một số văn bản hướng dẫn thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh còn có những vướng mắc, bất cập trong thực tiễn thi hành.

2. Đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước, hạn chế quản lý qua cấp trung gian, phân cấp phù hợp với khả năng tự cân đối về ngân sách và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương; phân công rõ ràng, cụ thể trách nhiệm đối với các ngành, các cấp trong việc triển khai, tổ chức thực hiện nghị quyết; giao trách nhiệm cho các cơ quan (sở, ngành) chủ trì làm đầu mối đôn đốc, theo dõi, hướng dẫn tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh theo lĩnh vực, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh định kỳ 6 tháng, hằng năm; chỉ đạo thực hiện thường xuyên, quyết liệt công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các cơ chế, chính sách, nhất là đối với cấp cơ sở.

3. Tiến hành sơ kết, tổng kết, đánh giá hiệu quả thực hiện đối với từng nghị quyết về cơ chế, chính sách để kiến nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét bãi bỏ hoặc thay thế đối với các nghị quyết có niên độ thực hiện đến hết năm 2020 (như: Nghị quyết số 71/2012/NQ-HĐND ngày 13/12/2012 về cơ chế, chính sách hỗ trợ xây dựng một số thiết chế văn hóa-thể thao ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Nghệ An; Nghị quyết số 23/2017/NQ-HĐND ngày 20/12/2017 về cơ chế hỗ trợ thực hiện chương trình sữa học đường trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2018 - 2020; Nghị quyết số 25/2016/NQ-HĐND ngày 04/8/2016 quy định một số cơ chế, chính sách hỗ trợ giảm nghèo đối với các xã có tỷ lệ hộ nghèo từ 30% trở lên ngoài Nghị quyết 30a trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2016 - 2020; Nghị quyết số 55/2016/NQ-HĐND ngày 16/12/2016 về mức hỗ trợ thường xuyên cho các chức danh Đội trưởng, Đội phó và trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy cho lực lượng dân phòng trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai

đoạn 2017 - 2020); sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế các nghị quyết chưa phù hợp với thực tiễn hoặc quy định hiện hành của Trung ương (như: Nghị quyết số 225/2009/NQ-HĐND ngày 23/7/2008 về hỗ trợ người có công với cách mạng cải thiện về nhà ở trên địa bàn tỉnh Nghệ An; Nghị quyết số 278/2009/NQ-HĐND ngày 23/7/2009 về một số cơ chế, chính sách đặc thù trong quản lý, phát triển kinh tế - xã hội đối với thành phố Vinh - đô thị loại I trực thuộc Tỉnh; Nghị quyết số 307/2010/NQ-HĐND ngày 10/7/2010 về một số cơ chế, chính sách hỗ trợ huyện Nam Đàn phát triển kinh tế - xã hội đến 2020; Nghị quyết số 14/2017/NQ-HĐND ngày 20/12/2017 về một số chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Nghệ An; Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐND ngày 04/8/2016 về chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Nghệ An; Nghị quyết số 157/2014/NQ-HĐND ngày 12/12/2014 về một số chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực Y tế công lập trên địa bàn tỉnh Nghệ An; Nghị quyết số 195/2015/NQ-HĐND ngày 20/12/2015 quy định một số chế độ hỗ trợ kinh phí trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, tranh chấp đất đai và tranh chấp địa giới hành chính trên địa bàn tỉnh Nghệ An,...).

4. Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện công tác xây dựng và tổ chức thực hiện các nghị quyết về cơ chế, chính sách, cụ thể:

a) Về công tác tham mưu xây dựng các nghị quyết về cơ chế, chính sách:

- Việc xây dựng các nghị quyết về cơ chế, chính sách cần gắn với Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trong thời kỳ ổn định ngân sách, ưu tiên ban hành các nghị quyết từ đầu kỳ Kế hoạch 05 năm để thực hiện các mục tiêu nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời chủ động về kế hoạch nguồn lực đáp ứng; hạn chế ban hành các cơ chế, chính sách trong kỳ Kế hoạch 5 năm nếu không thực sự cấp bách và cần thiết;

- Đổi mới công tác hoạch định chính sách, tập trung nguồn lực kích cầu đầu tư, tránh dàn trải, manh mún; hạn chế ban hành chính sách khi chưa cân đối được nguồn lực; bố trí nguồn lực thực hiện chính sách phải đảm bảo đúng nguyên tắc theo quy định của pháp luật; đảm bảo huy động nguồn kinh phí của các cấp ngân sách để thực hiện có hiệu quả các chính sách đã ban hành; bên cạnh việc ban hành chính sách cần quan tâm ban hành cơ chế nhằm huy động nội lực của các địa phương để thực hiện mục tiêu phát triển;

- Thực hiện nghiêm quy trình, thủ tục xây dựng nghị quyết về cơ chế, chính sách đảm bảo đúng quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; chú trọng việc đánh giá tác động của chính sách và lấy ý kiến của đối tượng chịu sự tác động của chính sách; nghiên cứu xây dựng quy trình, thủ tục thực hiện cơ chế, chính sách theo hướng cải cách thủ tục hành chính nhằm tạo điều kiện để đối tượng thụ hưởng dễ tiếp cận, dễ thực hiện; nâng cao trách nhiệm của các cơ quan soạn thảo, thẩm định, thẩm tra trong thực hiện quy trình xây dựng chính sách.

b) Về công tác tổ chức thực hiện:

- Chính quyền các cấp cần đổi mới, đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền tới tận người dân, doanh nghiệp, kịp thời đưa nghị quyết vào cuộc sống, đảm bảo các cơ chế, chính sách phát huy hiệu quả cao nhất;

- Định kỳ thực hiện công tác sơ kết, tổng kết chính sách để kịp thời phát hiện những hạn chế, tồn tại, vướng mắc, bất cập để kiến nghị Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc thay thế nghị quyết; nghiên cứu lựa chọn một số cơ chế, chính sách của Tỉnh để đưa vào Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật hằng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh nhằm theo dõi, đôn đốc thực hiện thường xuyên; thực hiện có hiệu quả công tác kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Uỷ ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này. Hằng năm báo cáo kết quả thực hiện nghị quyết với Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An khoá XVII, kỳ họp thứ 15 thông qua ngày 22 tháng 7 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2020./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ (để b/c);
- Cục KTVB QPPL (Bộ Tư pháp);
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- TAND tỉnh, Viện KSND tỉnh, Cục THADS tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng HĐND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành, thị;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Website: http://dbndnghean.vn;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Xuân Sơn